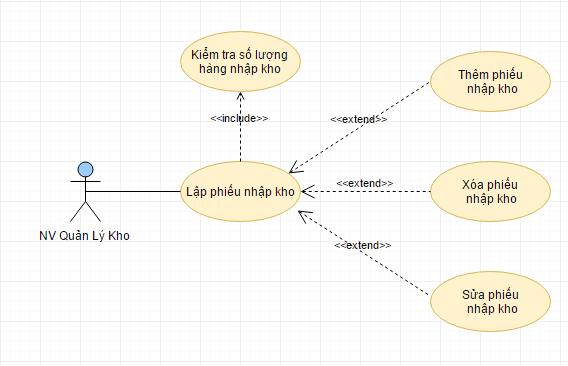
**MÔ TẢ USE CASE**

1. QUẢN LÝ KHO
2. Lập phiếu nhập kho



* 1. **Lập phiếu nhập kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập phiếu nhập kho mỗi khi cửa hàng nhập hàng. Bao gồm các công việc thêm, xóa, sửa phiếu nhập kho. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm, thay đổi, xóa một phiếu nhập kho.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên quản lý kho chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/Xóa/Sửa phiếu nhập kho) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:    1. “Thêm phiếu nhập kho”   Thực hiện use case “Thêm phiếu nhập kho”   * 1. “Sửa phiếu nhập kho”   2.2.a NV quản lý kho trực tiếp chọn phiếu nhập kho cần sửa:  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu nhập kho cần sửa thông tin  - Thực hiện use case “Sửa phiếu nhập kho”  2.2.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm để sửa phiếu nhập kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm phiếu nhập kho”  - Hệ thống sẽ yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin cho phiếu nhập kho cần tìm kiếm  - Hệ thống tìm và đưa ra danh sách các phiếu nhập kho  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu nhập kho cần sửa thông tin  - Thực hiện use case “Sửa phiếu nhập kho”   * 1. “Xóa phiếu nhập kho”   2.3.a NV quản lý kho trực tiếp chọn phiếu nhập kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu nhập kho cần xóa  - Thực hiện use case “Xóa phiếu nhập kho”  2.3.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm kiếm để xóa phiếu nhập kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm phiếu nhập kho”  - Hệ thống sẽ yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin cho phiếu nhập kho cần tìm kiếm  - Hệ thống tìm và đưa ra danh sách các phiếu nhập kho  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu nhập kho cần xóa  - Thực hiện use case “Xóa phiếu nhập kho” |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu trong luồng sự kiện 2.2.b/2.3.b không tồn tại phiếu nhập kho nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy phiếu nhập kho”. NV quản lý kho có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin phiếu nhập kho được thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Kiểm tra số lượng hàng nhập kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho kiểm tra số lượng hàng nhập kho mỗi khi nhập hàng. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn lập một phiếu nhập kho.   1. Nhân viên quản lý kho tiến hành kiểm tra các thông tin hàng nhập kho, bao gồm các thông tin như số lượng hàng, các loại hàng, đơn giá,… 2. Nhân viên quản lý kho tiến hành nhập các thông tin vừa kiểm tra vào phiếu nhập kho để lập phiếu nhập kho |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu đơn hàng bị hủy, cửa hàng không nhập hàng nữa thì use case sẽ bị hủy. |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin nhập hàng được thêm vào phiếu nhập kho và phiếu nhập kho được thêm vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Thêm phiếu nhập kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập phiếu nhập kho mỗi khi cửa hàng nhập hàng |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm một phiếu nhập kho.   1. NV quản lý kho tiến hành điền các thông tin vào phiếu nhập kho. Sau đó nhấn “Lưu” 2. Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin phiếu nhập kho, nếu tất cả các thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ lưu phiếu nhập kho. |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu thông tin ở bước 1 không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi “Thông tin không hợp lệ”. Khi đó nhân viên có thể chỉnh sửa lại thông tin phiếu nhập kho hoặc hủy bỏ việc thêm phiếu nhập kho |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin phiếu nhập kho được thêm vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

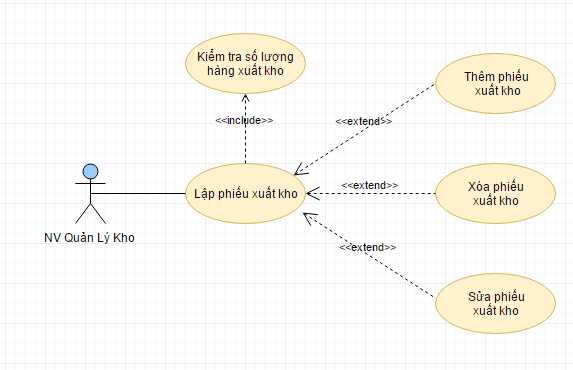
* 1. **Sửa phiếu nhập kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho sửa thông tin trong phiếu nhập kho |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn sửa một phiếu nhập kho.   1. NV quản lý kho tiến hành sửa các thông tin phiếu nhập kho. Sau đó nhấn “Lưu” 2. Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin phiếu nhập kho, nếu tất cả các thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ cập nhật thông tin phiếu nhập kho. |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu thông tin ở bước 1 không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi “Thông tin không hợp lệ”. Khi đó nhân viên có thể chỉnh sửa lại thông tin phiếu nhập kho hoặc hủy bỏ việc chỉnh sửa phiếu nhập kho |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin phiếu nhập kho được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Xóa phiếu nhập kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho xóa phiếu nhập kho |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn xóa một phiếu nhập kho.   1. Sau khi chọn được phiếu nhập kho cần xóa, NV quản lý kho tiến hành chọn “Xóa” 2. Hệ thống hiển thị hộp thoại hỏi việc xác nhận xóa phiếu nhập kho. 3. Khi NV quản lý kho chọn “Đồng ý”, hệ thống tiến hành xóa phiếu nhập kho đã chọn, sau đó hiển thị thông báo “Đã xóa thành công” |
| Dòng sự kiện phụ: Ở hộp thoại tại bước 2, nếu NV quản lý kho chọn “Hủy”. Hệ thống sẽ không xóa phiếu nhập kho, khi đó use case này kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, phiếu nhập kho được xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, phiếu nhập kho sẽ không được xóa |

1. Lập phiếu xuất kho



* 1. **Lập phiếu xuất kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập phiếu xuất kho mỗi khi cửa hàng bán hàng. Bao gồm các công việc thêm, xóa, sửa phiếu xuất kho. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm, thay đổi, xóa một phiếu xuất kho.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên quản lý kho chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/Xóa/Sửa phiếu xuất kho) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:   2.1. “Thêm phiếu xuất kho”   * NV quản lý kho chọn “Thêm phiếu xuất kho” * Thực hiện use case “Thêm phiếu xuất kho”   1. “Sửa phiếu xuất kho”   2.2.a NV quản lý kho trực tiếp chọn phiếu xuất kho cần sửa:  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu xuất kho cần sửa thông tin  - NV quản lý kho chọn “Sửa phiếu xuất kho”.  - Thực hiện use case “Sửa phiếu xuất kho”  2.2.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm để sửa phiếu xuất kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm phiếu xuất kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm phiếu xuất kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - NV quản lý kho chọn phiếu xuất kho cần sửa và thực hiện use case “Sửa phiếu xuất kho”   * 1. “Xóa phiếu xuất kho”   2.3.a NV quản lý kho trực tiếp chọn phiếu xuất kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn 1 phiếu xuất kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn “Xóa phiếu xuất kho”  - Thực hiện use case “Xóa phiếu xuất kho”  2.3.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm kiếm để xóa phiếu xuất kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm phiếu xuất kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm phiếu xuất kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu việc tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - NV quản lý kho tiến hành chọn phiếu xuất kho cần xóa sau đó thực hiện use case “Xóa phiếu xuất kho” |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu trong luồng sự kiện 2.2.b/2.3.b không tồn tại phiếu xuất kho nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy phiếu xuất kho”. NV quản lý kho có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin phiếu xuất kho được thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Kiểm tra số lượng hàng xuất kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho kiểm tra số lượng hàng xuất kho mỗi khi bán hàng. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn lập một phiếu xuất kho.   1. Nhân viên quản lý kho tiến hành kiểm tra các thông tin hàng xuất kho, bao gồm các thông tin như số lượng hàng, các loại hàng, đơn giá,… 2. Nhân viên quản lý kho tiến hành nhập các thông tin vừa kiểm tra vào phiếu xuất kho để lập phiếu nhập kho |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu đơn mua hàng bị hủy, cửa hàng không bán hàng nữa thì use case sẽ bị hủy. |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin bán hàng được thêm vào phiếu xuất kho và phiếu xuất kho được thêm vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Thêm phiếu xuất kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập phiếu xuất kho mỗi khi cửa hàng bán hàng |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm một phiếu xuất kho.   1. NV quản lý kho tiến hành điền các thông tin vào phiếu xuất kho. Sau đó nhấn “Lưu” 2. Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin phiếu xuất kho, nếu tất cả các thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ lưu phiếu xuất kho. |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu thông tin ở bước 1 không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi “Thông tin không hợp lệ”. Khi đó nhân viên có thể chỉnh sửa lại thông tin phiếu xuất kho hoặc hủy bỏ việc thêm phiếu xuất kho |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin phiếu xuất kho được thêm vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

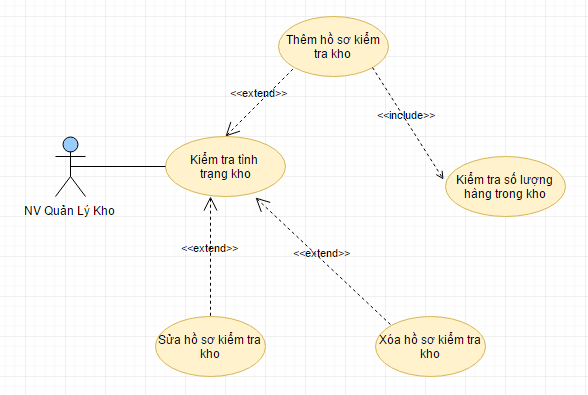
* 1. **Sửa phiếu xuất kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho sửa thông tin trong phiếu xuất kho |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn sửa một phiếu xuất kho.   1. NV quản lý kho tiến hành sửa các thông tin phiếu xuất kho. Sau đó nhấn “Lưu” 2. Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin phiếu xuất kho, nếu tất cả các thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ cập nhật thông tin phiếu xuất kho. |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu thông tin ở bước 1 không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi “Thông tin không hợp lệ”. Khi đó nhân viên có thể chỉnh sửa lại thông tin phiếu xuất kho hoặc hủy bỏ việc chỉnh sửa phiếu xuất kho |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin phiếu xuất kho được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Xóa phiếu xuất kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho xóa phiếu xuất kho |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn xóa một phiếu xuất kho.   1. Sau khi chọn được phiếu xuất kho cần xóa, NV quản lý kho tiến hành chọn “Xóa” 2. Hệ thống hiển thị hộp thoại hỏi việc xác nhận xóa phiếu xuất kho. 3. Khi NV quản lý kho chọn “Đồng ý”, hệ thống tiến hành xóa phiếu xuất kho đã chọn, sau đó hiển thị thông báo “Đã xóa thành công” |
| Dòng sự kiện phụ: Ở hộp thoại tại bước 2, nếu NV quản lý kho chọn “Hủy”. Hệ thống sẽ không xóa phiếu xuất kho, khi đó use case này kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, phiếu xuất kho được xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, phiếu xuất kho sẽ không được xóa |

1. Kiểm tra tình trạng kho



**3.1. Kiểm tra tình trạng kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập hồ sơ kiểm tra kho theo định kỳ ngày/tháng/tuần,.... Có các công việc như kiểm tra số lượng hàng trong kho, thêm, xóa, sửa hồ sơ kiểm tra kho. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm, thay đổi, xóa một hồ sơ kiểm tra kho.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên quản lý kho chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/Xóa/Sửa hồ sơ kiểm tra kho) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:   2.1. “Thêm hồ sơ kiểm tra kho”   * NV quản lý kho chọn “Thêm hồ sơ kiểm tra kho” * Thực hiện use case “Thêm hồ sơ kiểm tra kho”   1. “Sửa hồ sơ kiểm tra kho”   2.2.a NV quản lý kho trực tiếp chọn hồ sơ kiểm tra kho cần sửa:  - NV quản lý kho chọn 1 hồ sơ kiểm tra kho cần sửa thông tin  - NV quản lý kho chọn “Sửa hồ sơ kiểm tra kho”.   * Thực hiện use case “Sửa hồ sơ kiểm tra kho”   2.2.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm để sửa hồ sơ kiểm tra kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm hồ sơ kiểm tra kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm hồ sơ kiểm tra kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước ở phần 2.2.a   * 1. “Xóa hồ sơ kiểm tra kho”   2.3.a NV quản lý kho trực tiếp chọn hồ sơ kiểm tra kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn 1 hồ sơ kiểm tra kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn “Xóa hồ sơ kiểm tra kho”  - Thực hiện use case “Xóa hồ sơ kiểm tra kho”  2.3.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm kiếm để xóa hồ sơ kiểm tra kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm hồ sơ kiểm tra kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm hồ sơ kiểm tra kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu việc tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước 2.3.a |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu trong luồng sự kiện 2.2.b/2.3.b không tồn tại hồ sơ kiểm tra kho nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy hồ sơ kiểm tra kho”. NV quản lý kho có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin hồ sơ kiểm tra kho được thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Kiểm tra số lượng hàng trong kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho kiểm tra kho theo định kỳ ngày/tháng/tuần,.... Các công việc như kiểm tra số lượng hàng tồn kho, số lượng hàng hư hỏng,… |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn kiểm tra tình trạng hàng trong kho.   * NV quản lý kho tiến hành kiểm tra số lượng hàng trong kho, số lượng hàng hóa bị hư hỏng, thất thoát,… |
| Dòng sự kiện phụ: |
| Tiền điều kiện: Việc kiểm tra kho tuân theo thời gian trong lịch kiểm tra kho (theo ngày/tuần/tháng/…) |
| Hậu điều kiện: Thông tin tình trạng kho sẽ được sử dụng để lập hồ sơ kiểm tra kho |

* 1. **Thêm hồ sơ kiểm tra kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho thêm mới 1 hồ sơ kiểm tra kho |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho thêm một hồ sơ kiểm tra kho   * NV quản lý kho thực hiện use case “kiểm tra số lượng hàng trong kho” * NV quản lý kho chọn chức năng thêm mới một hồ sơ kiểm tra kho * Hệ thống yêu cầu nhập thông tin cho hồ sơ kiểm tra kho * NV quản lý kho nhập các thông tin cho hồ sơ kiểm tra kho, sau đó chọn “Lưu” * Nếu các thông tin là hợp lệ, hệ thống sẽ tạo mới một hồ sơ kiểm tra kho và lưu lại. |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu các thông tin ở bước 4 không hợp lệ, hệ thống sẽ thông báo “Thông tin không hợp lệ”. Lúc này NV kiểm tra kho có thể chỉnh sửa thông tin hoặc tiến hành hủy việc tạo mới hồ sơ kiểm tra kho |
| Tiền điều kiện: NV phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho |
| Hậu điều kiện: Hồ sơ kiểm tra kho sẽ được lưu vào hệ thống sau khi use case được thực hiện thành công. |

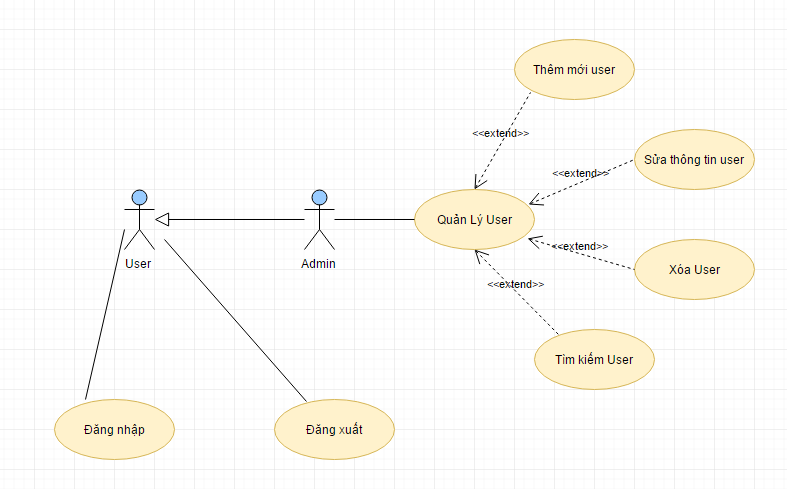
* 1. **Sửa hồ sơ kiểm tra kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho sửa thông tin hồ sơ kiểm tra kho |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn chỉnh sửa một hồ sơ kiểm tra kho   * Sau khi chọn hồ sơ cần chỉnh sửa thông tin, NV quản lý kho chọn chức năng “sửa hồ sơ kiểm tra kho” * Hệ thống yêu cầu NV chỉnh sửa các thông tin cho hồ sơ kiểm tra kho * NV quản lý kho nhập các thông tin cho hồ sơ kiểm tra kho, sau đó chọn “Lưu” * Nếu các thông tin là hợp lệ, hệ thống sẽ cập nhật thông tin cho hồ sơ kiểm tra kho |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu các thông tin ở bước 3 không hợp lệ, hệ thống sẽ thông báo “Thông tin không hợp lệ”. Lúc này NV kiểm tra kho có thể chỉnh sửa thông tin hoặc tiến hành hủy việc sửa hồ sơ kiểm tra kho |
| Tiền điều kiện: NV phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho |
| Hậu điều kiện: Hồ sơ kiểm tra kho sẽ được cập nhật vào hệ thống sau khi use case được thực hiện thành công. |

* 1. **Xóa hồ sơ kiểm tra kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho xóa một hồ sơ kiểm tra kho |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn xóa một hồ sơ kiểm tra kho   * Sau khi chọn hồ sơ cần xóa, NV quản lý kho chọn chức năng “xóa hồ sơ kiểm tra kho” * Hệ thống hiển thị hộp thoại hỏi việc xác nhận xóa hồ sơ kiểm tra kho * NV quản lý kho chọn “Đồng ý”, hệ thống sẽ xóa hồ sơ kiểm tra kho đã chọn |
| Dòng sự kiện phụ: Ở bước 3 nếu NV quản lý kho chọn “Hủy” thì hồ sơ kiểm tra kho sẽ không bị xóa |
| Tiền điều kiện: NV phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho |
| Hậu điều kiện: Hồ sơ kiểm tra kho phải được xóa khỏi hệ thống nếu use case thực hiện thành công |

1. QUẢN LÝ USER



1. Quản lý user

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép admin quản lý thông tin các user, bao gồm thêm, xóa, sửa và tìm kiếm tài khoản user trong hệ thống. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi admin thực hiện việc thêm/xóa/sửa/tìm kiếm user.   1. Hệ thống yêu cầu admin chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/ Xóa /Sửa thông tin user) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:    1. “Thêm user”  * Admin chọn “Thêm mới user” * Hệ thống yêu cầu admin nhập thông tin user cần đăng ký. Nếu các thông tin nhập vào là hợp lệ thì tài khoản user mới sẽ được tạo.   1. “Sửa thông tin user” * Admin chọn “Sửa thông tin user”   2.4a. Admin chọn user trực tiếp từ danh sách user:  - Admin chọn user cần sửa  - Hệ thống sẽ hiển thị thông tin user ở chế độ cho phép chỉnh sửa  - Admin chỉnh sửa thông tin user, sau đó chọn “Lưu”  - Nếu thông tin mới nhập vào là hợp lệ, hệ thống sẽ tiến hành cập nhật thông tin user mới.  2.4b. Admin tìm kiếm user cần chỉnh sửa thông tin:  - Admin thực hiện “Tìm kiếm user”  - Hệ thống sẽ hiển thị một danh sách các kết quả user tìm kiếm được.  - Lặp lại các bước 2.4a.  2.5. “Tìm kiếm user”  - Admin chọn “Tìm kiếm user”  - Hệ thống yêu cầu admin nhập thông tin user cần tìm kiếm  - Hệ thống tiến hành tìm kiếm và hiển thị danh sách kết quả các tài khoản user tìm được  2.6. “Xóa user”   * Admin chọn “Xóa user”   2.6a. Admin chọn user trực tiếp từ danh sách user:  - Admin chọn user cần xóa  - Hệ thống sẽ hiển thị thông báo yêu cầu admin xác nhận việc xóa  - Admin chọn “Xóa”  - Hệ thống tiến hành xóa tài khoản user khỏi hệ thống  2.6b. Admin tìm kiếm user cần xóa:  - Admin thực hiện “Tìm kiếm user”  - Hệ thống sẽ hiển thị một danh sách các kết quả user tìm kiếm được.  - Lặp lại các bước 2.4a. |
| Dòng sự kiện phụ:   * Nếu trong luồng sự kiện 2.4b/2.6b không tồn tại tài khoản user nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy tài khoản user”. Admin có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện:   * Admin phải đăng nhập sau đó mới có thể tiến hành các thao tác quản lý user |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin user thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

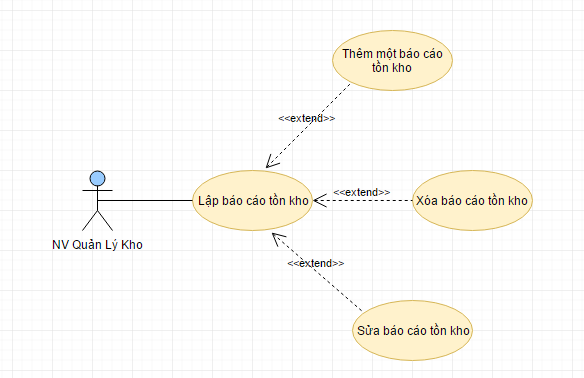
1. Đăng nhập

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép user và admin đăng nhập vào hệ thống |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi user/admin thực hiện việc đăng nhập vào hệ thống   * Hệ thống yêu cầu nhân viên (có tài khoản user hoặc admin) nhập các thông tin đăng nhập (username và password) sau đó chọn “Đăng nhập” * Hệ thống sẽ kiểm tra thông tin đăng nhập * Nếu các thông tin là hợp lệ, hệ thống sẽ cho phép NV đăng nhập vào hệ thống |
| Dòng sự kiện phụ:   * Nếu thông tin đăng nhập không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Sai username hoặc password”. Lúc này NV có thể chỉnh sửa thông tin đăng nhập hoặc hủy bỏ việc đăng nhập. |
| Tiền điều kiện:   * Admin/user phải có tài khoản để có thể đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, nhân viên sẽ được đăng nhập vào hệ thống và sử dụng các chức năng tương ứng với loại tài khoản của mình |

1. Đăng xuất

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép user và admin đăng xuất khỏi hệ thống |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi user/admin thực hiện việc đăng xuất khỏi hệ thống   1. Admin/user chọn “Đăng xuất” 2. Hệ thống tiến hành đăng xuất tài khoản Admin/user ra khỏi hệ thống |
| Dòng sự kiện phụ: |
| Tiền điều kiện:   * Admin/user đã đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện: Sau khi kết thúc use case, tài khoản Admin/user phải được đăng xuất ra khỏi hệ thống |

1. LẬP BÁO CÁO
2. Lập báo cáo tồn kho



* 1. **Lập báo cáo tồn kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập báo cáo tồn kho theo định kỳ ngày/tháng/tuần,.... Bao gồm các công việc thêm, xóa, sửa báo cáo tồn kho. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm, thay đổi, xóa một báo cáo tồn kho.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên quản lý kho chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/Xóa/Sửa báo cáo tồn kho) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:   2.1. “Thêm báo cáo tồn kho”   * NV quản lý kho thực hiện use case “Thêm một báo cáo tồn kho”   1. “Sửa báo cáo tồn kho”   2.2.a NV quản lý kho trực tiếp chọn báo cáo tồn kho cần sửa:  - NV quản lý kho chọn 1 báo cáo tồn kho cần sửa thông tin  - NV quản lý kho thực hiện use case “Sửa báo cáo tồn kho”.  2.2.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm để sửa báo cáo tồn kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm báo cáo tồn kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm báo cáo tồn kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước ở phần 2.2.a   * 1. “Xóa báo cáo tồn kho”   2.3.a NV quản lý kho trực tiếp chọn báo cáo tồn kho muốn xóa  - NV quản lý kho chọn 1 báo cáo tồn kho muốn xóa  - NV quản lý kho thực hiện use case “Xóa báo cáo tồn kho”  2.3.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm kiếm để xóa báo cáo tồn kho:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm báo cáo tồn kho”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm báo cáo tồn kho  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu việc tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước 2.3.a |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu trong luồng sự kiện 2.2.b/2.3.b không tồn báo cáo tồn kho nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy báo cáo tồn kho”. NV quản lý kho có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin báo cáo tồn kho được thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Thêm một báo cáo tồn kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập báo cáo tồn kho theo định kỳ ngày/tuần/tháng/… |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm một báo cáo tồn kho   1. NV quản lý kho tiến hành điền các thông tin vào báo cáo tồn kho. Sau đó nhấn “Lưu” 2. Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin báo cáo tồn kho, nếu tất cả các thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ lưu báo cáo tồn kho. |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu thông tin ở bước 1 không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi “Thông tin không hợp lệ”. Khi đó nhân viên có thể chỉnh sửa lại thông tin báo cáo tồn kho hoặc hủy bỏ việc thêm báo cáo tồn kho |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin báo cáo tồn kho được thêm vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

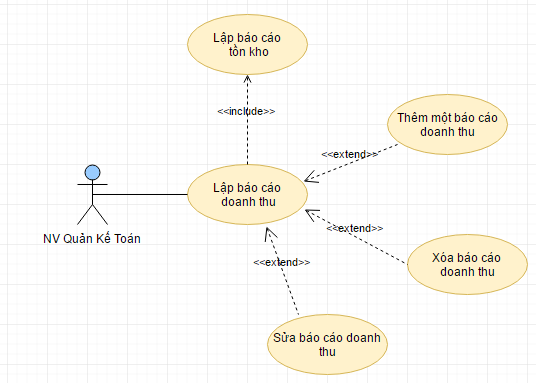
* 1. **Sửa một báo cáo tồn kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho sửa thông tin trong báo cáo tồn kho |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn sửa thông tin báo cáo tồn kho.   1. NV quản lý kho tiến hành sửa các thông tin báo cáo tồn kho. Sau đó nhấn “Lưu” 2. Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin báo cáo tồn kho, nếu tất cả các thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ cập nhật thông tin báo cáo tồn kho. |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu thông tin ở bước 1 không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi “Thông tin không hợp lệ”. Khi đó nhân viên có thể chỉnh sửa lại thông tin báo cáo tồn kho hoặc hủy bỏ việc chỉnh sửa báo cáo tồn kho |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin báo cáo tồn kho được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Xóa một báo cáo tồn kho**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho xóa một báo cáo tồn kho |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn xóa một báo cáo tồn kho   * Sau khi báo cáo tồn kho cần xóa, NV quản lý kho chọn chức năng “xóa báo cáo tồn kho” * Hệ thống hiển thị hộp thoại hỏi việc xác nhận xóa báo cáo tồn kho * NV quản lý kho chọn “Đồng ý”, hệ thống sẽ xóa báo cáo tồn kho đã chọn |
| Dòng sự kiện phụ: Ở bước 3 nếu NV quản lý kho chọn “Hủy” thì báo cáo tồn kho sẽ không bị xóa |
| Tiền điều kiện: NV phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho |
| Hậu điều kiện: Báo cáo tồn kho phải được xóa khỏi hệ thống nếu use case thực hiện thành công |

1. Lập báo cáo doanh thu



* 1. **Lập báo cáo doanh thu**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập báo cáo doanh thu theo định kỳ ngày/tháng/tuần,.... Bao gồm các công việc thêm, xóa, sửa báo cáo doanh thu. |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm, thay đổi, xóa một báo cáo doanh thu.   1. Hệ thống yêu cầu nhân viên quản lý kho chọn chức năng muốn thực hiện (Thêm/Xóa/Sửa báo cáo doanh thu) 2. Lúc này, xảy ra các luồng sự kiện sau:   2.1. “Thêm báo cáo doanh thu”   * NV quản lý kho thực hiện use case “Thêm một báo cáo doanh thu”   1. “Sửa báo cáo doanh thu”   2.2.a NV quản lý kho trực tiếp chọn báo cáo doanh thu cần sửa:  - NV quản lý kho chọn 1 báo cáo doanh thu cần sửa thông tin  - NV quản lý kho thực hiện use case “Sửa báo cáo doanh thu”.  2.2.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm để sửa báo cáo doanh thu:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm báo cáo doanh thu”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm kiếm báo cáo doanh thu  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước ở phần 2.2.a   * 1. “Xóa báo cáo doanh thu”   2.3.a NV quản lý kho trực tiếp chọn báo cáo doanh thu muốn xóa  - NV quản lý kho chọn 1 báo cáo doanh thu muốn xóa  - NV quản lý kho thực hiện use case “Xóa báo cáo doanh thu”  2.3.b NV quản lý kho dùng công cụ tìm kiếm để xóa báo cáo doanh thu:  - NV quản lý kho chọn “Tìm kiếm báo cáo doanh thu”  - Hệ thống yêu cầu NV quản lý kho nhập các thông tin tìm báo cáo doanh thu  - Sau khi NV quản lý kho cung cấp thông tin được yêu cầu. Nếu điều kiện nhập là hợp lệ thì hệ thống bắt đầu việc tìm kiếm và hiển thị ra thông tin tìm kiếm  - Lặp lại 4 bước 2.3.a |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu trong luồng sự kiện 2.2.b/2.3.b không tồn báo cáo doanh thu nào thì hệ thống sẽ xuất ra câu thông báo “Không tìm thấy báo cáo doanh thu”. NV quản lý kho có thể nhập thông tin tìm kiếm khác hoặc hủy bỏ thao tác, lúc đó use case kết thúc |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin báo cáo doanh thu được thêm, cập nhật hoặc xóa khỏi hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Thêm một báo cáo doanh thu**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho lập báo cáo doanh thu theo định kỳ ngày/tuần/tháng/… |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn thêm một báo cáo doanh thu   1. NV quản lý kho tiến hành điền các thông tin vào báo cáo doanh thu. Sau đó nhấn “Lưu” 2. Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin báo cáo doanh thu, nếu tất cả các thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ lưu báo cáo doanh thu. |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu thông tin ở bước 1 không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi “Thông tin không hợp lệ”. Khi đó nhân viên có thể chỉnh sửa lại thông tin báo cáo doanh thu hoặc hủy bỏ việc thêm báo cáo doanh thu |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin báo cáo doanh thu được thêm vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Sửa báo cáo doanh thu**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho sửa thông tin trong báo cáo doanh thu |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn sửa thông tin báo cáo doanh thu.   1. NV quản lý kho tiến hành sửa các thông tin báo cáo doanh thu. Sau đó nhấn “Lưu”   Hệ thống tiến hành kiểm tra các thông tin báo cáo doanh thu, nếu tất cả các thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ cập nhật thông tin báo cáo doanh thu |
| Dòng sự kiện phụ: Nếu thông tin ở bước 1 không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi “Thông tin không hợp lệ”. Khi đó nhân viên có thể chỉnh sửa lại thông tin báo cáo doanh thu hoặc hủy bỏ việc chỉnh sửa báo cáo doanh thu |
| Tiền điều kiện: NV quản lý kho phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho vào hệ thống trước khi use case bắt đầu |
| Hậu điều kiện: Nếu use case thành công, thông tin báo cáo doanh thu được cập nhật vào hệ thống. Ngược lại, trạng thái hệ thống không thay đổi |

* 1. **Xóa một báo cáo doanh thu**

|  |
| --- |
| Tóm tắt: Use case này cho phép NV quản lý kho xóa một báo cáo doanh thu |
| Dòng sự kiện chính: Use case này bắt đầu khi NV quản lý kho muốn xóa một báo cáo doanh thu   * Sau khi báo cáo doanh thu cần xóa, NV quản lý kho chọn chức năng “xóa báo cáo doanh thu” * Hệ thống hiển thị hộp thoại hỏi việc xác nhận xóa báo cáo doanh thu * NV quản lý kho chọn “Đồng ý”, hệ thống sẽ xóa báo cáo doanh thu đã chọn |
| Dòng sự kiện phụ: Ở bước 3 nếu NV quản lý kho chọn “Hủy” thì báo cáo doanh thu sẽ không bị xóa |
| Tiền điều kiện: NV phải đăng nhập dưới quyền NV quản lý kho |
| Hậu điều kiện: Báo cáo doanh thu phải được xóa khỏi hệ thống nếu use case thực hiện thành công |